

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước
trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Hậu Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

CỤC THỰC HÀNH HÀNH DÂN SỰ TỈNH HẬU GIANG
Số: 1501
ĐẾN Ngày 14/10/2019
Đang Công Khai
Số hồ sơ số: ...

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;
Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;
Căn cứ Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác;
Căn cứ Quyết định số 1990/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;
Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 3180/TTTr-STNMT ngày 02 tháng 10 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Điều 2. Danh mục dịch vụ sự nghiệp công quy định tại Điều 1 của Quyết định này là căn cứ cho các cơ quan, đơn vị lựa chọn đơn vị sự nghiệp công để cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo hình thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu theo quy định.

Điều 3. Giám đốc sở, Thủ trưởng cơ quan, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký././

Nơi nhận
- Bộ TNMT;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KT. Ngh
QĐ ban hành danh mục TN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**


Trương Cảnh Tuyên

**DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH
NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẬU GIANG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1692/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2019
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang)

TT	Tên dịch vụ sự nghiệp công
I	Lĩnh vực đất đai
1	Lập và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, cấp huyện
2	Thống kê, kiểm kê đất đai và thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã
3	Điều tra, đánh giá đất đai cấp tỉnh
4	Điều tra, thu thập thông tin Xây dựng, điều chỉnh Bảng giá đất của tỉnh
5	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho tổ chức, hộ gia đình và cá nhân
6	Trích lục bản đồ địa chính
7	Đo đạc, lập bản đồ địa chính
II	Lĩnh vực tài nguyên nước
1	Điều tra, đánh giá tài nguyên nước
2	Kiểm kê tài nguyên nước định kỳ
3	Điều tra hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải, khí thải, chất thải khác vào nguồn nước
4	Xây dựng và duy trì hệ thống mạng quan trắc, giám sát tài nguyên nước
5	Xây dựng cơ sở dữ liệu; quản lý, lưu trữ thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước
6	Xây dựng nội dung phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.
7	Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước
8	Điều tra, thống kê, rà soát, phân loại và lập danh mục giếng không sử dụng phải trám lấp giếng
9	Lập quy trình vận hành hồ chứa trên lưu vực sông
10	Lập danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ; cắm mốc, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước
11	Khoanh định vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; lập danh mục khu vực phải đăng ký khai thác dưới đất
12	Tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước; theo dõi, phát hiện và tham gia giải quyết sự cố ô nhiễm nguồn nước
13	Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm về tài nguyên nước

TT	Tên dịch vụ sự nghiệp công
14	Xây dựng và duy trì hệ thống cảnh báo, dự báo lũ, lụt, hạn hán, xâm nhập mặn, nước biển dâng và các tác hại khác do nước gây ra
15	Thẩm định cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép về tài nguyên nước và cho phép chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước theo thẩm quyền; hướng dẫn việc đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước
16	Xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt
III	Lĩnh vực địa chất và khoáng sản
1	Điều tra cơ bản về địa chất và tài nguyên khoáng sản
2	Thăm dò khoáng sản theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh
3	Thống kê, kiểm kê tài nguyên, trữ lượng khoáng sản
4	Xây dựng nội dung phương án bảo vệ, thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản
5	Khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản
6	Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về khoáng sản
7	Bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn
8	Lưu trữ, quản lý thông tin về khoáng sản
IV	Lĩnh vực môi trường
1	Đánh giá sức chịu tải của sông; ban hành hạn ngạch xả nước thải vào sông; công bố thông tin về những đoạn sông không còn khả năng tiếp nhận nước thải
2	Đánh giá thiệt hại do ô nhiễm và xử lý ô nhiễm môi trường lưu vực sông
3	Xây dựng đề án bảo vệ môi trường lưu vực sông nội tỉnh
4	Điều tra, xác định khu vực môi trường bị ô nhiễm trên địa bàn tỉnh
5	Điều tra, thống kê, đánh giá nguy cơ các loại sự cố môi trường có nguy cơ xảy ra và xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trên địa bàn tỉnh
6	Điều tra, xác định phạm vi ô nhiễm, thiệt hại do sự cố môi trường gây ra trên địa bàn tỉnh
7	Tổ chức thực hiện hoạt động quan trắc môi trường định kỳ hàng năm trên địa bàn tỉnh
8	Xây dựng ban hành, triển khai thực hiện bộ chỉ thị môi trường địa phương trên cơ sở bộ chỉ thị môi trường quốc gia
9	Lập Báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm trên địa bàn tỉnh
10	Lập Báo cáo hiện trạng môi trường của địa phương 05 năm một lần

TT	Tên dịch vụ sự nghiệp công
11	Hoạt động Xử lý ô nhiễm, cải tạo và phục hồi chất lượng môi trường các khu vực bị ô nhiễm trên địa bàn
12	Lập Kế hoạch hàng năm cho công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt
13	Điều tra, đánh giá hiện trạng loài hoang dã thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ trên địa bàn tỉnh
14	Điều tra để lập Danh mục loài ngoại lai xâm hại và có nguy cơ xâm hại trên địa bàn tỉnh
15	Điều tra, xác định khu vực phân bố, lập kế hoạch cô lập, diệt trừ, kiểm soát các loài ngoại lai xâm hại trên địa bàn tỉnh
V	Lĩnh vực Công nghệ thông tin, lưu trữ và truyền thông về tài nguyên và môi trường:
1	Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường
2	Xây dựng, vận hành và cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh